

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 31/10/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Thực hiện Công văn số 10-CV/BCĐ, ngày 19/4/2021 của Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI về việc tổ chức tổng kết và xây dựng báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 31/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Sau đây gọi là Nghị quyết số 19-NQ/TW) và Kế hoạch số 24-KH/BCĐ, ngày 20/4/2021 của Ban Chỉ đạo Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về việc tổng kết hình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Việc tuyên truyền, quán triệt, xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức hội nghị quán triệt, học tập Nghị quyết đến cấp ủy, cán bộ chủ chốt của tỉnh; chỉ đạo cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ban, ngành, đoàn thể tiến hành quán triệt, học tập Nghị quyết đến các chi bộ và cán bộ đảng viên về tinh thần, nội dung Nghị quyết. Đồng thời, tuyên truyền phổ biến đến các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức. Việc học tập quán triệt nghị quyết được tiến hành nghiêm túc từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở; các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên có sự thống nhất cao về quan điểm chỉ đạo, những đổi mới về chính sách, pháp luật đã nêu trong Nghị quyết.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 66-KH/TU, ngày 19/02/2013 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, trong đó xác định các nội dung và phân công cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW tại địa phương. Trên cơ sở Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kế hoạch số 66-KH/TU, các sở, ban, ngành liên quan, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy ban hành các kế hoạch cụ thể để quán triệt, triển khai thực hiện; đồng thời, tổ chức học tập quán triệt đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về nội dung và tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Qua quá trình triển khai thực hiện, nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, nhân dân trong tỉnh trong việc tham gia xây dựng, chấp hành chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đất đai có chuyển biến tích cực. Các cấp, các ngành xây dựng các kế hoạch thực hiện với lộ trình rõ ràng, phân công tổ chức thực hiện cụ thể với nhiều hình thức tuyên truyền, mang

lại hiệu quả thiết thực góp phần tạo sự thống nhất trong cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận xã hội. Người dân từng bước nâng cao ý thức trong việc quản lý, sử dụng đất đai; đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp cũng như tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân khi giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai.

2. Việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng trong Nghị quyết

Sau khi Nghị quyết số 19-NQ/TW được ban hành; Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương cũng cụ thể, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng trong Nghị quyết thông qua Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn. Trên cơ sở đó, tỉnh Lâm Đồng kịp thời ban hành 100 văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu để tổ chức thực hiện (*Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm*).

Các văn bản liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai nêu trên tạo hành lang pháp lý trong việc tổ chức thực hiện; giúp tháo gỡ nhiều khó khăn vướng mắc trong quản lý đất đai, thúc đẩy việc sử dụng đất ngày càng tiết kiệm, hiệu quả, phát huy tốt nguồn lực từ đất đai, đưa công tác quản lý về đất đai dần đi vào nề nếp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỊNH HƯỚNG TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI

1. Về quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 của tỉnh Lâm Đồng được Chính phủ phê duyệt⁽¹⁾; quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của 12 huyện, thành phố được UBND tỉnh phê duyệt. Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, tỉnh đã chỉ đạo tổ chức thực hiện theo quy định.

Trên cơ sở Quyết định số 704/QĐ-TTg, ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc *phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050*, tỉnh Lâm Đồng đã phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng của 03 huyện⁽²⁾/07 huyện theo kế hoạch (*03 huyện phụ cận thành phố Đà Lạt trước đây chưa nằm trong kế hoạch lập*); điều chỉnh quy hoạch chung của 02 đô thị⁽³⁾/13 đô thị đã phê duyệt quy hoạch trước đây; quy hoạch phân khu của 26/47 phân khu theo kế hoạch; điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 3 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2025. Sau khi phê duyệt các quy hoạch, tỉnh kịp thời xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các cơ quan, địa phương tổ chức thực hiện.

Công tác kiểm tra, giám sát của địa phương trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Thực hiện Luật Đất đai từ năm 2013 đến nay, các cơ quan chức năng của tỉnh đã thực hiện, phối hợp thực hiện trên 43 cuộc kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với các cơ quan, đơn vị về

¹ Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/9/2013; Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 25/5/2018

² Huyện Đa Tềh (Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 01/9/2020); Huyện Cát Tiên (Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 12/01/2021); Huyện Đa Huoai (Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 29/4/2021).

³ QHC thị trấn Mađaguôi, huyện Đa Huoai (Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 26/9/2019) và QHC thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà (Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 26/9/2019)

việc thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; lãnh đạo các cấp, các ngành của tỉnh tích cực và tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất,... Qua kiểm tra, giám sát đã đánh giá được nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực làm cơ sở giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình dự án phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; đánh giá được tỷ lệ, tiến độ thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân; kiến nghị, đề xuất các tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có lúc, có nơi chưa thường xuyên, liên tục, số lượng chưa nhiều nên chưa kịp thời kiến nghị tăng cường các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện quy hoạch, kế hoạch, xử lý đối với một số trường hợp sử dụng đất chưa phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc hiến đất làm đường để phân lô, tách thửa đất thực hiện chưa thống nhất, đồng bộ, thiếu chặt chẽ ở một số địa phương.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, HĐND tỉnh ban hành 14 nghị quyết thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất và dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác. Trên cơ sở các nghị quyết này, UBND tỉnh chỉ đạo tổng hợp trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, trình duyệt để tổ chức thực hiện. Theo các Nghị quyết nêu trên, có tổng số 224 công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác, với tổng diện tích đất chuyển mục đích là 496,76 ha⁽⁴⁾. Thực tế đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác là 149/224 công trình, dự án được HĐND tỉnh thông qua (*đạt 66,51%*), với tổng diện tích đất đã chuyển mục đích sử dụng đất là 258,38 ha/496,76 ha (*trong đó đất trồng lúa là 179,82 ha, đất rừng phòng hộ là 67,21 ha, đất rừng đặc dụng 11,35 ha*). Việc chuyển mục đích sử dụng đất các loại đất này thực hiện theo quy định; tuy nhiên, do công tác dự báo, xác định nhu cầu chưa cân nhắc đầy đủ các diễn biến trong quá trình thực hiện nên kết quả thực hiện chưa đạt kế hoạch.

Tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện nhiều cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch đồng bộ với cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội để khai thác tiềm năng đất đai tại địa phương⁽⁵⁾.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng đủ nhu cầu đất đai cho phát triển các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn toàn tỉnh. Có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái; là công cụ quan trọng giúp cho công tác quản

(4) Trong đó: đất trồng lúa 349,94 ha, đất rừng phòng hộ 135,47 ha và đất rừng đặc dụng 11,35 ha.

(5) Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/11/2016 về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2016 về phát triển du lịch chất lượng cao giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 tỉnh Lâm Đồng; Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển CN - TTCN trong giai đoạn 2011 - 2015; Kế hoạch số 1270/KH-UBND ngày 08/02/2017 về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 10/5/2011 giai đoạn 2016 - 2020; cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận tỉnh Lâm Đồng (Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 03/9/2015). Sau đó, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo để tổ chức thực hiện Quyết định này.

lý, sử dụng đất đai hiệu quả, chặt chẽ, tiết kiệm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó bao gồm đất đai tại đô thị cần được bổ sung, điều chỉnh trong quá trình thực hiện; kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với nhóm đất phi nông nghiệp đạt thấp, nhất là đất phát triển hạ tầng; công tác dự báo, xác định nhu cầu sử dụng đất chưa lường hết diễn biến trong quá trình thực hiện; một số công trình, dự án có trong chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhưng quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư chậm nên chưa đủ cơ sở thực hiện các thủ tục về đất đai, ảnh hưởng tới kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Về giao đất, cho thuê đất

Lâm Đồng là tỉnh Nam Tây Nguyên thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư; song quỹ đất sạch để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hạn chế; diện tích đất thực hiện các dự án tại địa phương hầu hết phải bồi thường, hỗ trợ hoặc tự thỏa bồi thường nên công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án chủ yếu theo hình thức không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp luật về đất đai. Từ năm 2014 đến nay, các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh đã giao đất, cho thuê đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất cho các đối tượng sử dụng đất; trong đó giao đất không thu tiền sử dụng đất cho 158 trường hợp với diện tích 612,44 ha; giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 16 trường hợp với diện tích 86,66 ha; cho thuê đất cho 502 trường hợp, với diện tích 4.722,89 ha.

Từ năm 2014 đến nay, giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất với diện tích 21,80 ha, số tiền thu được 587.739,47 triệu đồng.

Thời gian qua, tỉnh ban hành một số cơ chế, chính sách để đảm bảo sử dụng đất lâm nghiệp có hiệu quả kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; đồng thời, chỉ đạo thực hiện một số nội dung, cụ thể:

- Phê duyệt Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh giai đoạn 2016 - 2025 theo các Quyết định⁶ với tổng diện tích đất quy hoạch sản xuất lâm nghiệp 596.642 ha (chiếm 60,99% diện tích tự nhiên)⁽⁷⁾.

- Ban hành Kế hoạch số 599/KH-UBND, ngày 26/01/2021 thực hiện Đề án “Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khôi phục và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030) với nội dung: Thực hiện các biện pháp, giải pháp ngăn chặn có hiệu quả tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng; khôi phục và phát triển rừng (tập trung rà soát, kiên quyết giải tỏa, thu hồi diện tích rừng bị phá, đất rừng bị lấn chiếm để trồng, khôi phục lại rừng; tổ chức trồng xen cây lâm nghiệp, cây đa mục đích trên diện tích đang canh tác nông nghiệp trên đất quy hoạch lâm nghiệp); rà soát, ban hành các quy định, cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện công tác QLBR, phát triển rừng.

⁶ Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 và số 503/QĐ-UBND ngày 08/3/2021

⁷ Đất rừng đặc dụng 84.224 ha (chiếm 14,1% diện tích đất lâm nghiệp); đất rừng phòng hộ 172.826 ha (chiếm 28,97% diện tích đất lâm nghiệp); đất rừng sản xuất 339.592 ha (chiếm 56,91% diện tích đất lâm nghiệp).

- Ban hành quy định tạm thời cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên địa bàn tỉnh⁽⁸⁾; Kế hoạch trồng 50 triệu cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện giao khoán quản lý bảo vệ rừng và chi trả tiền quản lý bảo vệ rừng thông qua ngân sách địa phương và từ nguồn vốn chi trả dịch vụ môi trường rừng với diện tích trên 439 ngàn ha/trên 17 ngàn hộ (*trong đó hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên 13 ngàn hộ*).

Thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ *phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013 - 2015*, tỉnh chủ động ban hành một số quy định để tổ chức thực hiện⁽⁹⁾.

Thực hiện Nghị quyết số 167/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017 của Chính phủ *quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công*, đến nay tỉnh Lâm Đồng đã hoàn thành việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất toàn bộ 56/56 cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh; đồng thời, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo các phương án được phê duyệt.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, địa phương đã thực hiện kiểm tra, rà soát và xử lý, thu hồi đất được giao, thuê để thực hiện dự án nhưng vi phạm pháp luật về đất đai với tổng diện tích 6.397,92 ha⁽¹⁰⁾.

Việc phối hợp trong công tác giao đất, cho thuê đất, quản lý, sử dụng đất đối với các tổ chức cá nhân có yếu tố nước ngoài được quan tâm thực hiện theo các quy định của pháp luật; trong quá trình thực hiện từ khi thực hiện thủ tục về đầu tư đến thực hiện thủ tục giao đất, thuê đất, quản lý, sử dụng đất đều có sự phối hợp của các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 103 dự án FDI đang hoạt động, với tổng diện tích đất 2.315 ha/tổng vốn đầu tư là 12.195 tỷ đồng.

3. Về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tỉnh đã ban hành Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND, ngày 10/02/2015 (*sau này là Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND, ngày 29/12/2017 thay thế Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND*) quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, các địa phương thực hiện thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh với tổng diện tích 209,57 ha/17 công trình, dự án; thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng với diện tích 11.620,18 ha/1.573 công trình, dự án; thực hiện bồi thường, hỗ trợ

⁸ Quyết định số 603/QĐ-UBND, ngày 23/3/2021.

⁹ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 quy định hạn mức bình quân giao đất sản xuất nông nghiệp cho hộ DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 phê duyệt Đề án giải quyết đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh;

¹⁰ Thu hồi đất được giao, thuê nhưng không đưa vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với dự án đầu tư với diện tích 3.093,51 ha; thu hồi đất do các vi phạm khác với diện tích 3.304,41 ha.

giải phóng mặt bằng cho 1.334 hộ gia đình, cá nhân, với tổng chi phí bồi thường là 682,89 tỷ đồng; bố trí tái định cư cho 834 hộ với tổng diện tích 2,52 ha.

Hầu hết các dự án trên địa bàn tỉnh đều thực hiện theo hình thức bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất. Đối với tài sản gắn liền với đất được tính toán theo Bảng giá ban hành tại các Quyết định của UBND tỉnh. Ngoài các khoản hỗ trợ theo quy định (*hỗ trợ ổn định sản xuất và đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề; hỗ trợ tái định cư;...*) tỉnh Lâm Đồng có quy định cụ thể các khoản hỗ trợ khác như: Hỗ trợ tiền thuê nhà ở; hỗ trợ cho những trường hợp thu hồi đất nông nghiệp có thời điểm sử dụng trước khi quy hoạch là đất lâm nghiệp; đồng thời giao UBND cấp huyện quyết định biện pháp và mức hỗ trợ để đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất cho những trường hợp đã áp dụng các khoản hỗ trợ theo quy định nhưng có cuộc sống khó khăn hoặc phối hợp với nhà đầu tư, chủ đầu tư thực hiện các biện pháp để hỗ trợ thêm (*ngoài khung chính sách, đơn giá quy định của Nhà nước*) để đảm bảo ổn định đời sống, việc làm cho người bị thu hồi đất trong vùng thực hiện dự án.

4. Về đăng ký đất đai và cấp Giấy chứng nhận

Công tác đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu:

- Tỉnh đang thực hiện Dự án hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính tỉnh giai đoạn 2009 - 2025 theo các Quyết định số 1058/QĐ-UBND, ngày 07/5/2009, số 819/QĐ-UBND, ngày 26/4/2013 và số 2644/QĐ-UBND, ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh, với tổng dự toán là 1.000 tỷ đồng, dự kiến triển khai đến năm 2025.

- Do khó khăn về kinh phí, đến nay mới triển khai được 05/12 huyện, thành phố (*Đà Lạt⁽¹¹⁾, Đức Trọng⁽¹²⁾, Di Linh⁽¹³⁾, Bảo Lâm⁽¹⁴⁾ và Lạc Dương*). Trong đó, có 03 địa phương đã hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, được kiểm tra, nghiệm thu và đưa vào vận hành, khai thác (*Đà Lạt, Đức Trọng và Di Linh*).

- Theo kế hoạch, năm 2021 dự kiến tiếp tục triển khai trên địa bàn huyện Lâm Hà và thành phố Bảo Lộc.

Công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Đến nay, tổng số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trên toàn tỉnh là 762.054 giấy, đạt khoảng 90,6% diện tích cần cấp; diện tích còn lại đang tiếp tục lập thủ tục để cấp.

5. Về chính sách đảm bảo quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao quyền sử dụng đất tại địa phương

¹¹ Do mới 5.562,77 ha, đo chỉnh lý 51.151 thửa; đăng ký cấp giấy chứng nhận 11.810 thửa trong đó cấp mới 5.124 thửa, cấp đổi 6.686 thửa; xây dựng cơ sở dữ liệu: nhập dữ liệu được 80.951 thửa với diện tích 9.804,61 ha, cơ sở dữ liệu trên phần mềm Vilis

¹² Do mới 41.641 ha, đo chỉnh lý 12.865 thửa; đăng ký cấp giấy chứng nhận 147.583 thửa trong đó cấp mới 47.701 thửa, cấp đổi 99.882 thửa; xây dựng cơ sở dữ liệu: nhập dữ liệu 235.272 thửa với diện tích 44.900ha và tích hợp vào cơ sở dữ liệu 45.042 thửa

¹³ Do mới 46.862 ha, đo chỉnh lý 20.393 thửa; xây dựng cơ sở dữ liệu: Đã nhập dữ liệu 207.157 thửa.

¹⁴ Xây dựng mới lưới địa chính: 307 điểm; đo đạc mới bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000: 716 ha; đo đạc mới bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000: 46.050 ha; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000: 13.257 ha/6.857 thửa đất; đăng ký đất đai: 83.386 thửa đất (cấp mới 30.523 thửa; cấp đổi 52.863 thửa đất)

Ngoài các chính sách quy định trong Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện, tỉnh ban hành một số quy định đảm bảo quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao quyền sử dụng đất theo yêu cầu của Luật Đất đai năm 2013, các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện và thực tế tại địa phương, cụ thể: (i) Bảng giá các loại đất áp dụng cho giai đoạn (2015 - 2019; 2020-2024), Bảng hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm để người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định; (ii) Quy định hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất có vườn, ao để làm cơ sở xác định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; (iii) Quy định điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh để tách thửa, thực hiện một số quyền của người sử dụng đất; (iv) Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; (v) Quy chế tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân các cấp (*hàng tháng, hàng quý người đứng đầu UBND các cấp tổ chức tiếp công dân định kỳ để tiếp nhận những ý kiến, phản ánh của người dân trong đó có đơn thư khiếu nại, khiếu kiện về lĩnh vực đất đai; từ đó đã tiếp nhận và kịp thời giải quyết kiến nghị của công dân góp phần giảm tình trạng tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện vượt cấp; tạo niềm tin trong nhân dân cũng như phát huy được quyền làm chủ của nhân dân, đảm bảo người sử dụng đất được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chính mình*).

6. Về phát triển thị trường bất động sản

Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển lành mạnh, bền vững thị trường bất động sản tại địa phương: phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; một số quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành có sử dụng đất (*quy hoạch chung xây dựng thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030; quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các đô thị thuộc các huyện; quy hoạch phân khu thuộc thành phố Đà Lạt và một số huyện thuộc tỉnh; quy hoạch khu du lịch hồ Tuyền Lâm,...*); xây dựng cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận tỉnh Lâm Đồng¹⁵ (*trong đó UBND tỉnh được phép cho nhà đầu tư kinh doanh bất động sản, trừ dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trong phạm vi thành phố Đà Lạt, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng được phép chuyển nhượng dự án cho các đối tượng khác xây dựng nhà ở, công trình kiến trúc theo quy hoạch chung và dự án đã được phê duyệt phù hợp với các quy định của pháp luật,...*); thực hiện công khai, minh bạch thông tin các dự án đang triển khai tại địa phương, giảm tình trạng các dự án “ma”, dự án chưa được cấp phép; tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản,...;

UBND tỉnh ban hành Quyết định 06/2009/QĐ-UBND phê duyệt Đề án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Quyết định số 1659/QĐ-UBND, ngày 11/8/2014 phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2020; Kế hoạch số 7850/KH-UBND, ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh phát triển nhà ở tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017 - 2020. Đến thời điểm hiện nay tổng

¹⁵ Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ

diện tích sàn phát triển nhà ở xã hội đạt 21.601 m² sàn/200.000 m² theo Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011 - 2020 (đạt 11%).

Trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện đến năm 2020; căn cứ quy định và thực tế tại địa phương, việc quy hoạch diện tích đất bên cạnh các công trình kết cấu hạ tầng như đường cao tốc, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quan tâm đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để thu hồi đất, tạo nguồn lực đất đai đầu tư các dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, chỉnh trang đô thị tại địa phương

Thời gian qua, tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương rà soát 06 dự án khu dân cư sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh; trong đó chỉ đạo tập trung rà soát lại các điều kiện lựa chọn nhà đầu tư, bảo đảm nhà đầu tư phải có đủ năng lực thực hiện dự án nếu được chấp thuận cho phép thực hiện.

7. Chính sách tài chính về đất đai

Quỹ phát triển đất được quy định cụ thể tại Điều 111 Luật Đất đai năm 2013, Điều 6 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017. Theo đó, nguồn vốn của Quỹ phát triển đất được ngân sách Nhà nước phân bổ, bố trí vào dự toán ngân sách địa phương hoặc huy động từ các nguồn vốn khác gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hợp tác hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật. Tỉnh Lâm Đồng không thành lập Quỹ phát triển đất mà ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh để ứng vốn cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Theo quy định đối với các nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất, nếu được gia hạn thời gian đưa đất vào sử dụng theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 thì nhà đầu tư phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian được gia hạn. Liên quan đến nội dung này tỉnh có một số văn bản chỉ đạo thực hiện phù hợp với quy định nêu trên và thực tế tại địa phương⁽¹⁶⁾.

8. Về giá đất

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, định kỳ 05 năm một lần, UBND tỉnh ban hành Bảng giá đất cho chu kỳ 2015 - 2019 (theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND, ngày 19/12/2014); Bảng giá đất cho chu kỳ 2020 - 2024 (theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND, ngày 22/01/2020) và tổ chức thực hiện theo quy định. Hàng năm, tỉnh phê duyệt bảng hệ số điều chỉnh giá đất theo từng đơn vị hành chính cấp huyện. Bảng giá đất làm cơ sở để thực hiện các nguồn thu tài chính từ đất đai, làm cơ sở phê duyệt giá đất cụ thể để tính toán giá trị bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Bảng giá đất đều được công khai để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

¹⁶ Văn bản số 6343/UBND-ĐC ngày 02/10/2018, số 5778/UBND-ĐC ngày 10/9/2020, số 4505/UBND-ĐC ngày 18/5/2020, số 1358/UBND-ĐC ngày 08/3/2021 và số 3310/UBND-ĐC ngày 24/5/2021.

Hàng năm, Bảng giá đất được điều chỉnh, bổ sung đối với những địa bàn có giá đất phổ biến trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá đất tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá đất tối thiểu trong bảng giá đất trong khoảng thời gian từ 180 ngày trở lên. Trong đó, đối với chu kỳ 5 năm (2015 - 2019) có 12/12 huyện, thành phố điều chỉnh, bổ sung; đối với kỳ 5 năm (2020 - 2024) có 04 địa bàn huyện, thành phố (*huyện Đa Huoai, huyện Đa Tễ, huyện Cát Tiên và thành phố Bảo Lộc*) điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất cho phù hợp với thực tế của địa phương tại Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND, ngày 10/5/2021.

Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tới từng thửa đất trên địa bàn tỉnh đến nay vẫn chưa được triển khai thực hiện, do công tác xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính về đất đai đang được triển khai thực hiện mới chỉ hoàn thành 5/12 huyện thành phố và hoạt động ổn định 3/5 huyện. Do đó, về nội dung này sau khi cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính về đất đai toàn tỉnh được đưa vào vận hành ổn định cả 03 cấp tỉnh, huyện và xã, sẽ từng bước nghiên cứu để triển khai thực hiện.

Cơ chế giám sát các cơ quan chức năng và tổ chức định giá đất độc lập trong việc định giá đất: Tỉnh đã thành lập Hội đồng thẩm định giá đất (*theo Quyết định số 183/QĐ-UBND, ngày 24/01/2021 và số 2792/QĐ-UBND, ngày 07/12/2020*)⁽¹⁷⁾. Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh hoạt động theo Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HĐTĐGD, ngày 24/6/2021.

Về hệ thống tư vấn định giá đất: hầu hết các tổ chức đề nghị tham gia công tác tư vấn xác định giá đất có Chi nhánh tại thành phố Đà Lạt⁽¹⁸⁾. Các tổ chức này đủ điều kiện hành nghề và nằm trong danh mục thông báo hàng năm của Bộ Tài chính thực hiện việc tư vấn định giá đất; thực tế, một số trường hợp thực hiện chậm, không đảm bảo theo yêu cầu, đơn phương bỏ không thực hiện, xin rút, không tiếp thực hiện hoặc đã giải thể. Do đó, hiện nay chỉ còn Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định giá Tiên Phong tiếp tục xin tham gia tư vấn định giá đất; kết quả tư vấn xác định giá đất của đơn vị này khá tốt, đều được Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh xem xét thẩm định, thống nhất thông qua.

9. Cải các thủ tục hành chính về đất đai

Tỉnh đã chỉ đạo rà soát, đơn giản hóa bộ thủ tục hành chính (TTHC), cắt giảm thời gian thực hiện đối với tất cả các TTHC; tiếp tục công khai đầy đủ 94 TTHC (*trong đó có 35 TTHC lĩnh vực đất đai*) tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả và trên trang thông tin điện tử⁽¹⁹⁾, đảm bảo thuận tiện cho việc tra cứu, thực hiện; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc; tiếp tục thực hiện việc chuyển trả kết quả đến tận tay người thực hiện qua hệ thống bưu

¹⁷ Các thành viên: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ tịch Hội đồng; Phó Giám đốc Sở Tài chính, Thường trực Hội đồng và các thành viên, gồm: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Phó Giám đốc sở Xây dựng, Phó Cục trưởng Cục Thuế Lâm Đồng, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi có địa chỉ đất phải thẩm định.

¹⁸ Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam; Công ty cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam Á; Công ty cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Quốc tế; Công ty TNHH Giám định và Thẩm định giá Đất Việt; Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định giá Tiên Phong; Công ty Cổ phần thẩm định giá TCVALUE.

¹⁹ Nội dung các TTHC đã được niêm yết công khai đồng thời trên Cổng dịch vụ công Quốc gia về TTHC (<http://dichvucong.gov.vn>) và trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường (<https://stnmt.lamdong.gov.vn>).

điện; chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng quy trình và đưa hệ thống một cửa điện tử vào hoạt động; tổ chức thực hiện việc nhiều biện pháp nhằm tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức, doanh nghiệp để kịp thời xử lý, chấn chỉnh để phục vụ người dân ngày càng tốt hơn. Số lượng TTHC lĩnh vực đất đai bình quân trên địa bàn tỉnh khoảng 220.000 hồ sơ, trong đó hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn đạt tỷ lệ 98,08%. Nhìn chung, công tác cải cách hành chính bao gồm quy định về thủ tục hành chính, đi đôi với giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng pháp luật, đúng thời gian theo quy định.

Tỉnh chỉ đạo rà soát và thực hiện ủy quyền một số nội dung: (i) ủy quyền cho UBND cấp huyện thực hiện thu hồi và bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả tổ chức và cá nhân; (ii) ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao theo quy định.

10. Thanh tra, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai

Từ ngày 01/7/2014 đến nay, các ngành, địa phương của tỉnh tiếp nhận, xử lý 6.735 đơn, trong đó cơ quan chuyên môn là 2.773 đơn. Đến nay, đã thẩm tra, xác minh và xử lý 6.665 đơn/6.735 đơn (bao gồm đơn khiếu nại 6.084 đơn; đơn tố cáo 223 đơn; tranh chấp đất đai 358 đơn); còn 70 đơn khiếu nại đang tiếp tục thực hiện.

Toàn tỉnh còn 70 đơn khiếu nại chưa giải quyết là do số lượng đơn trong năm 2020 đến nay tăng đột biến so với các năm trước, trong đó có một số vụ việc phức tạp, thời gian giải quyết kéo dài, có phần ảnh hưởng đến tiến độ xử lý.

Nguyên nhân của tồn tại: Lực lượng trực tiếp tham mưu giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai còn mỏng; cơ sở dữ liệu về đất đai thiếu đồng bộ, một số vụ việc phải xin ý kiến của Hội đồng tư vấn pháp luật của tỉnh nên thời gian xử lý bị kéo dài; một số hộ dân nhận thức pháp luật còn hạn chế, cá biệt bị các đối tượng tiêu cực xúi giục, kích động khiếu kiện đông người nhằm gây áp lực cho chính quyền các cấp đòi giải quyết theo yêu cầu không chính đáng hoặc vượt quá khuôn khổ quy định của pháp luật; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai, quản lý Nhà nước về đất đai ở một số địa phương chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ dẫn đến một số trường hợp người dân lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý, tình trạng sử dụng đất sai mục đích vẫn còn diễn ra.

Thực hiện chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, bộ máy tham mưu giúp việc trong giải quyết khiếu nại về đất đai là Sở Tài nguyên và Môi trường, các trường hợp khiếu nại phức tạp thì tỉnh giao Thanh tra tỉnh phúc tra lại vụ việc khiếu nại.

Cơ quan tham mưu cho UBND cấp tỉnh về khiếu nại trong lĩnh vực đất đai là Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Thanh tra tỉnh (tùy trường hợp cụ thể). Trong đó, tại thời điểm năm 2013, Thanh tra Sở chỉ có 4 cán bộ; đến năm 2021 có 5 cán bộ. Từ năm 2018 cho đến nay được tăng cường thêm thành 8 cán bộ, do đó đã giải quyết được số lượng đơn khiếu nại tồn đọng.

Số lượng cán bộ, công chức làm đơn thư khiếu nại từng bước được tăng cường về số lượng, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về khiếu nại đất đai, nâng cao năng lực xử lý đơn thư, khiếu nại đang ngày càng phức tạp trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh rà soát, ban hành Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND, ngày 21/9/2017 và Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND, ngày 28/8/2020 quy định về cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, để thực hiện việc cưỡng chế đối với các trường hợp vi phạm.

11. Nâng cao năng lực quản lý đất đai

Dự án tổng điều tra đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh⁽²⁰⁾ đã được tỉnh phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 2572/QĐ-UBND, ngày 12/11/2020, số 901/QĐ-UBND, ngày 08/4/2021. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang tổ chức thực hiện.

Tỉnh ban hành Kế hoạch số 1405/KH-UBND, ngày 27/3/2014 về triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2013, trong đó công tác phổ biến, tuyên truyền tập huấn Luật thực hiện với nhiều hình thức, trong đó có tuyên truyền trên Báo Lâm Đồng, Đài PTTH Lâm Đồng, đăng tải thông tin pháp Luật Đất đai trên trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương.

Lâm Đồng có 47 dân tộc cùng sinh sống, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 25,7% dân số toàn tỉnh; để phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về đất đai cho cộng đồng, tỉnh huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, trong đó lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp là bộ phận nòng cốt. Nhằm đảm bảo mọi tầng lớp nhân dân có thể nắm bắt và hiểu biết rõ hơn về các quy định của pháp Luật Đất đai, các địa phương tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền như thông qua các buổi sinh hoạt thôn bản, sinh hoạt chi bộ phổ biến đến đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Thông qua các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong làng để nâng cao chất lượng tuyên truyền trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có kênh tuyên truyền miệng; ngoài việc tuyên truyền thì còn lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, ý kiến phản ánh của người dân đến chính quyền. Từ đó có những phương hướng, chính sách phù hợp để giúp người dân vùng đồng bào dân tộc ngày càng nâng cao nhận thức và hiểu biết rõ hơn về tầm quan trọng của chính sách pháp luật về đất đai.

Dự án tổng thể hoàn thiện hồ sơ địa chính: Tiến hành đo đạc, thành lập được bộ bản đồ địa chính chính quy theo hệ tọa độ quốc gia VN 2000, xây dựng được cơ sở dữ liệu địa chính đồng bộ, thống nhất phục vụ tốt cho công tác quản lý ở địa phương (Đà Lạt, Đức Trọng, Di Linh, Bảo Lâm và Lạc Dương). Ngoài ra, bản đồ địa chính được đo đạc theo quy trình 299 được số hóa đã đáp ứng được nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân và phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương;

Việc đầu tư hạ tầng CNTT trong giai đoạn qua từng bước được đẩy mạnh và

²⁰ Dự án gồm các hạng mục: điều tra, đánh giá chất lượng, tiềm năng đất đai; điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ đầu; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; điều tra, phân hạng đất nông nghiệp. Tổng dự toán kinh phí thực hiện dự án 20.214.459.000 đồng; thời gian thực hiện năm 2021-2022.

đã phát huy hiệu quả trong việc thực hiện một số nhiệm vụ chính như: Lập các dự án đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo định hướng chung của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn các huyện Đức Trọng, Di Linh và thành phố Đà Lạt; quản lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; số hóa và quản lý, tài liệu, bản đồ,...

Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT cũng chưa toàn diện, hệ thống trang thiết bị đã xuống cấp, chưa được đầu tư đồng bộ giữa các cấp. Vì vậy, việc đầu tư, bổ sung trang thiết bị là nhu cầu cần thiết để đảm bảo công tác lưu trữ, cập nhật, đồng bộ giữa phần cứng, phần mềm, tính kế thừa, kết nối mạng thông suốt giữa các đơn vị trực thuộc, giữa các cấp làm cơ sở cho việc triển khai các ứng dụng và phát triển CNTT đảm bảo hỗ trợ công việc chuyên môn, phục vụ công tác xây dựng, lưu trữ, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai, đáp ứng được các nhu cầu về quản lý cơ sở dữ liệu lớn, đồng thời phục vụ tốt cho việc quản lý Nhà nước trong ngành Tài nguyên và Môi trường trong thời gian tới.

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo các Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND, ngày 20/7/2015 và số 33/2019/QĐ-UBND, ngày 07/8/2019 của UBND tỉnh, gồm các phòng, đơn vị⁽²¹⁾. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường được đào tạo⁽²²⁾.

Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường⁽²³⁾, thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/06/2015 trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Thông tin - Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường với Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các huyện, thành phố theo Quyết định số 918/QĐ-UBND, ngày 16/04/2015, số 1628/QĐ-UBND, ngày 29/07/2015 và số 2796/QĐ-UBND, ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh.

Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên môi trường và Phát triển quỹ đất tỉnh²⁴ được thành lập theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 09/07/2020 của UBND tỉnh trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh. Đây là đơn vị tự chủ về tài chính, tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định của Nghị định số 16/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 và Nghị định 141/2016/NĐ-CP, ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khái quát những kết quả đạt được

Nghị quyết số 19-NQ/TW là một Nghị quyết hết sức quan trọng, có ý nghĩa sâu sắc, tác động mạnh mẽ đến nhiều mặt đời sống kinh tế xã hội của đất nước nói

²¹ Văn phòng; Thanh tra; Quản lý đất đai; Quản lý khoáng sản và Tài nguyên nước; Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám và Chi cục Bảo vệ môi trường (đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng).

²² Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, chuyên ngành Quản lý đất đai, bao gồm: Thạc sĩ 63 người; Đại học 30 người; Cao đẳng 100 người; đào tạo lý luận chính trị, bao gồm: Cao cấp lý luận chính trị 7 người; Trung cấp lý luận chính trị 17 người; Đào tạo, bồi dưỡng khác: Chuyên viên chính 10 người; chuyên viên 03 người; Thanh tra viên 4 người; Chức danh nghề nghiệp viên chức 300 người.

²³ Gồm 1 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; 06 Phòng chuyên môn: Phòng Tổ chức - Hành chính, Thống kê - Đăng ký đất đai, Thông tin - Lưu trữ, Kỹ thuật - Phát triển công nghệ, Kế hoạch - Tài chính và Đo đạc; 12 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trụ sở tại các huyện, thành phố;

²⁴ Gồm 1 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc; 05 Phòng chuyên môn: Tổ chức hành chính; Quản lý, Phát triển quỹ đất và bồi thường; Kỹ thuật; Đo đạc; Tư vấn, dịch vụ về đất đai

chung và của tỉnh Lâm Đồng nói riêng; chính sách pháp luật về đất đai theo chủ trương đổi mới của Đảng đã đi vào cuộc sống, thúc đẩy kinh tế phát triển, góp phần giữ vững ổn định chính trị xã hội; hiệu quả sử dụng các loại đất được nâng cao, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được mở rộng, việc đổi mới chính sách pháp luật về đất đai trong nông nghiệp tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển; quỹ đất chưa sử dụng được đưa vào khai thác sử dụng ngày càng nhiều, tình trạng để đất hoang hóa lãng phí đất được hạn chế.

Chính phủ và các bộ ngành Trung ương đã quan tâm, ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện; đầu tư cho công tác quản lý đất đai ngày càng được các cấp, các ngành quan tâm. Quá trình thực hiện, có sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, liên tục của cấp uỷ, chính quyền địa phương; hàng năm, địa phương đều rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ngày một đầy đủ, toàn diện, nên việc thực thi và áp dụng ngày một thuận lợi hơn.

Chính sách tài chính đất đai đã từng bước được thể chế hoá theo nguyên tắc thị trường, minh bạch, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, thu hẹp sự phân biệt giữa tổ chức trong nước và ngoài nước. Bên cạnh đó, chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính về đất khác thể hiện được sự ưu đãi và khuyến khích đầu tư của Nhà nước đối với các đối tượng sử dụng đất cần ưu đãi và chủ trương xã hội hóa. Nhờ đó, hệ thống chính sách tài chính đất đai góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực đất đai, tài sản Nhà nước và tạo nguồn thu lâu dài, bền vững cho ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Công tác quản lý nhà nước về đất đai có những chuyển biến tích cực, dần đi vào nề nếp và ổn định; nguồn lực về đất đai dần được phát huy để trở thành nội lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cơ bản được quan tâm hơn và từng bước hoàn thiện; công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tài chính về đất đai; thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo có nhiều kết quả tích cực; tập trung giải quyết có trọng điểm tại một số địa phương có yêu cầu bức xúc hoặc những địa bàn trọng điểm về kinh tế, xã hội của tỉnh; nhiều nội dung quản lý nhà nước về đất đai được phân cấp cho các ngành, địa phương thực hiện đảm bảo giải quyết nhanh các thủ tục cho người sử dụng đất; hệ thống tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về đất đai ngày càng được kiện toàn, nâng cao trình độ chuyên môn.

Các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh tăng cường sự gắn kết và có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh trong công tác quản lý đất đai.

2. Hạn chế, tồn tại

Công tác quán triệt, tuyên truyền, tổ chức nghiên cứu Nghị quyết, pháp luật về đất đai tuy đã được quan tâm thực hiện, nhưng có lúc, có nơi chưa thường xuyên, liên tục, toàn diện trong mọi tầng lớp nhân dân (nhất là ở vùng đồng bào dân tộc).

Chính sách pháp luật về đất đai chưa đầy đủ chế tài để xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai khi người sử dụng đất không chấp hành quyết định của cơ quan hành chính nhà nước; chính sách về giá trong công tác thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư được cải thiện nhưng vẫn cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng cao hơn nữa quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất;

Tiến độ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện đến năm 2020 còn chậm do phải chờ quy hoạch tổng thể quyết giá được phê duyệt và phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất của Chính phủ. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn phải bổ sung, điều chỉnh trong quá trình thực hiện; kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt thấp, chưa cân nhắc đầy đủ các diễn biến trong quá trình thực hiện.

Công tác quản lý đất đai ở một số nơi còn thiếu chặt chẽ, còn xảy ra tình trạng lấn chiếm đất đai, tranh chấp đất đai; việc hiến đất làm đường để phân lô, tách thửa đất thực hiện chưa thống nhất, đồng bộ, thiếu chặt chẽ ở một số địa phương gây phức tạp tình hình ảnh hưởng đến trật tự xã hội.

Một số dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng không, chậm đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng đất không có hiệu quả, chưa đúng mục đích; việc thu hồi đất của một số dự án đầu tư sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai chưa dứt điểm.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ bản hoàn thành nhưng nhiều trường hợp chất lượng còn hạn chế.

Công tác xây dựng dữ liệu đất đai đồng bộ toàn tỉnh còn chậm tiến độ khó khăn trong công tác quản lý, do khó khăn về kinh phí của địa phương và hỗ trợ từ Trung ương.

Công tác thanh tra, kiểm tra về sử dụng đất tuy đã được tăng cường, nhưng chưa thường xuyên nhất là việc kiểm tra các dự án sau khi giao đất, thuê đất; công tác giải quyết đơn thư còn một số trường hợp quá thời gian theo quy định; nhiều trường hợp do yếu tố lịch sử đất đai chưa được giải quyết dứt điểm. Nguyên nhân là lượng đơn thư hằng năm liên quan đến đất đai khá nhiều, mức độ ngày càng phức tạp.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Chính sách đất đai thường xuyên thay đổi, có một số nội dung chưa đầy đủ, rõ ràng, phù hợp với thực tế; có nhiều bộ, ngành hướng dẫn thực hiện.

- Cơ sở dữ liệu bản đồ và hồ sơ địa chính 3 cấp chưa đồng bộ khó khăn trong việc lập được cơ sở dữ liệu dạng số (*trừ những nơi đo đạc bản đồ theo quy trình chính quy, hồ sơ đất đai được quét và số hóa, chuyển sang quản lý dạng số*); Hệ thống lưu trữ hồ sơ địa chính chưa khoa học, ảnh hưởng đến công tác truy cập dữ liệu và khai thác thông tin;

- Sự giao thoa của quyền sử dụng đất và cho thuê đất đối với chủ thể chưa rõ ràng do đó chưa thu hút dự án phát triển tiềm năng đất đai.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số ngành, địa phương chưa thật sự quan tâm chỉ đạo đầy đủ công tác quản lý nhà nước về đất đai; trong đó chưa quan tâm đúng mức đối với công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chưa thường xuyên thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, nhất là việc kiểm tra các dự án sau khi giao đất, thuê đất.

- Ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của một bộ phận tổ chức, cá nhân còn hạn chế.

- Với đặc thù là tỉnh miền núi, diện tích tự nhiên khá lớn nên việc đo đạc lập bản đồ địa chính chưa thực hiện khép kín ranh giới hành chính. Mặt khác, do hệ thống bản đồ địa chính tỉnh Lâm Đồng phần lớn là bản đồ giải thửa dạng giấy (*đo đạc theo quy trình 299, không có tọa độ*) nên ảnh hưởng đến kết quả của công tác quản lý nhà nước về đất đai như: Lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận, cập nhật chỉnh lý biến động, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai, kiểm kê, thống kê đất đai, lập quy hoạch sử dụng đất...

- Đội ngũ cán bộ ngành tài nguyên và môi trường (*trong đó có lĩnh vực đất đai*) được quan tâm củng cố, kiện toàn, chất lượng, tiên độ giải quyết công việc từng bước được nâng lên, nhưng số lượng, cơ cấu có nơi chưa thật sự hợp lý, một số công việc xử lý chưa kịp thời. Tinh thần, trách nhiệm, năng lực thực thi công vụ của một số cán bộ, công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường có lúc, có nơi còn chưa cao, thiếu tính chủ động, sáng tạo.

4. Một số tồn tại, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện

4.1. Giữa Luật Đất đai và Luật Đầu tư

** Nội dung liên quan đến gia hạn thời gian đưa đất vào sử dụng và kế hoạch sử dụng đất hàng năm:*

- Theo Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn: *“Khi cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc Đăng kí đầu tư dự án thông thường (phần lớn thuộc dự án nhóm C) tiến độ đầu tư dự án là 03 năm kể từ ngày cấp quyết định chủ trương đầu tư”*.

- Theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn: *“Điều kiện để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; trong khi đó để đưa vào kế hoạch sử dụng đất đối với dự án đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách thì chỉ những dự án đã được phê duyệt (có quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận Đăng kí đầu tư)”*.

Tuy nhiên, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm thường được phê duyệt vào đầu năm (*đồng thời với Danh mục các dự án sử dụng đất phải trình HĐND tỉnh thông qua vào cuối năm trước*); do đó nếu quyết định chủ trương đầu tư dự án được cấp sau khi kế hoạch sử dụng đất được duyệt thì thường phải mất 06 tháng đến 01 năm sau khi doanh nghiệp được cấp quyết định chủ trương đầu tư mới được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất. Ngoài ra, sau khi doanh nghiệp được cấp quyết định chủ trương đầu tư còn phải thực hiện xong công tác thỏa thuận bồi thường, hỗ trợ theo quy định thì mới được xem xét việc thu hồi cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thời gian thực hiện thường cũng mất cả năm. Như vậy, từ khi doanh nghiệp

được cấp quyết định chủ trương đầu tư, thường từ một đến hai năm sau mới đủ điều kiện để được thuê đất, nhận bàn giao đất; phổ biến các dự án thường phải mất gần hai năm để thực hiện các nội dung trên nên ảnh hưởng rất lớn đến việc thời hạn thực hiện dự án của nhà đầu tư. Trong khi giữa Luật Đất đai và Luật Đầu tư cũng chưa đồng nhất về thời gian và thời điểm gia hạn thời gian đưa đất vào sử dụng với điều chỉnh tiến độ đầu tư, cũng dẫn đến khó khăn cho các nhà đầu tư khi thực hiện dự án.

- Danh mục các dự án sử dụng đất phải trình HĐND tỉnh thông qua vào cuối năm (*thuộc diện Nhà nước thu hồi đất phục vụ mục đích công cộng và phát triển kinh tế theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai 2013*) mà điều kiện để đưa vào kế hoạch sử dụng đất đối với loại công trình, dự án này theo Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn dưới luật phải được ghi vốn đầu tư; tuy nhiên, vào cuối năm, HĐND tỉnh mới thông qua danh sách đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách cho năm sau. Do đó, việc đủ điều kiện để thu hồi đất, giao đất thực hiện dự án và phân bổ vốn thường không trùng khớp, dẫn đến tiến độ giải ngân nguồn vốn ngân sách thường chậm.

Do vậy cần phải giải quyết các tồn tại nêu trên. Đặc biệt liên quan đến kế hoạch sử dụng đất; rất nhiều trường hợp đã sẵn có nguồn vốn đầu tư nhưng chưa có trong kế hoạch sử dụng đất nên gây trở ngại cho công tác thu hút đầu tư, việc giải ngân đầu tư công; do đó, việc quản lý việc sử dụng đất nên theo kế hoạch 5 năm và quy hoạch sử dụng đất 10 - 20 năm là phù hợp. Vì vậy, cần bỏ công tác lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện để tránh tạo thêm nhiều thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân, giảm khối lượng công việc của cơ quan nhà nước đối với công tác lập kế hoạch sử dụng đất; giảm kinh phí của Nhà nước trong việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

Đề nghị quy định cụ thể hơn trong việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư.

4.2. Giữa Luật Đất đai, Luật Đầu tư và Luật Khoáng sản

- Theo Luật Đầu tư, Luật Đất đai, khi thực hiện dự án sẽ liên quan đến tiến độ đầu tư, kế hoạch sử dụng đất, bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng, gia hạn thời gian đưa đất vào sử dụng, điều chỉnh hoặc giãn tiến độ đầu tư như nêu tại mục **4.1** trên; theo Luật Khoáng sản thì việc thực hiện dự án Khai thác khoáng sản thời hạn khai thác tối đa 30 năm, theo tiến độ khai thác và theo thiết kế mỏ được duyệt; như vậy doanh nghiệp khai thác đến đâu sẽ thuê đất đến đó (*thuê đất theo từng giai đoạn, phù hợp với tiến độ khai thác mỏ*); tuy nhiên, tiến độ đầu tư thường quy định là 03 năm và kế hoạch sử dụng đất là hàng năm, do đó mỗi lần doanh nghiệp thuê đất theo tiến độ khai thác lại phải thực hiện điều chỉnh tiến độ đầu tư, gia hạn thời gian đưa đất vào sử dụng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất... thì mới đủ điều kiện xem xét cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; trong khi Luật Đầu tư, Luật Đất đai tại 01 dự án không cho thực hiện các nội dung này quá 01 lần.

- Quy hoạch khoáng sản mang tính định hướng vùng, sau khi thăm dò mới xác định được khu vực đảm bảo trữ lượng, chất lượng để lập hồ sơ xem xét cấp phép. Khi đó nếu cập nhật quy hoạch khoáng sản mang tính định hướng vùng (*khi chưa xác định được khu vực đảm bảo trữ lượng, chất lượng để lập hồ sơ xem xét*

cấp phép) vào quy hoạch sử dụng đất (*cập nhật các quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch sử dụng đất*) sẽ chồng chéo và ảnh hưởng đến các ngành khác. Trường hợp không cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất thì sẽ không đủ điều kiện xem xét để đưa vào kế hoạch sử dụng đất khi đã được cấp phép khai thác khoáng sản (*cấp phép khai thác khoáng sản phù hợp với quy hoạch khoáng sản*) và không có trong kế hoạch sử dụng đất thì không đủ điều kiện để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Do vậy cần giải quyết các mâu thuẫn giữa Luật Đất đai và Luật Đầu tư và Luật Khoáng sản nêu trên, tạo điều kiện để nhà đầu tư thực hiện dự án cũng như thu hút các dự án đầu tư.

4.3. Giữa Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp

- Theo Quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Đất đai 2013 về giao đất không thu tiền sử dụng đất: “2. *Người sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất sử dụng vào mục đích công cộng không nhằm mục đích kinh doanh; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 55 của Luật này;*”;

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Luật Đất đai 2013 quy định về cho thuê đất rừng phòng hộ: “4. *UBND cấp tỉnh quyết định cho tổ chức kinh tế thuê đất rừng phòng hộ thuộc khu vực được kết hợp với kinh doanh cảnh quan, du lịch sinh thái - môi trường dưới tán rừng*”.

- Trong khi đó theo quy định của Luật Lâm nghiệp 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 có quy định:

+ *Điểm b, khoản 2, Điều 16 quy định “Nhà nước giao rừng phòng hộ không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng sau đây: b) Tổ chức kinh tế đối với rừng phòng hộ xen kẽ trong diện tích rừng sản xuất của tổ chức đó;”*

+ *Điều 17. Cho thuê rừng sản xuất*

“Nhà nước cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuê rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng trả tiền thuê rừng một lần hoặc hằng năm để sản xuất lâm nghiệp; sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.”

Do đó, không có sự thống nhất giữa hai Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc cho tổ chức kinh tế thuê đất và rừng phòng hộ. Cần giải quyết mâu thuẫn này giữa Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp, tạo điều kiện để nhà đầu tư thực hiện dự án cũng như thu hút đầu tư dự án, vì không thể cho một tổ chức vừa thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và vừa giao rừng phòng hộ theo quy định của Luật Lâm nghiệp (*không đúng đối tượng*).

4.4. Sửa đổi, bổ sung để thống nhất giữa Luật Đất đai với các Nghị định hướng dẫn thi hành luật

- Điều 105 Luật Đất đai quy định về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND tỉnh được ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường, không quy định được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân nước

ngoài. Tuy nhiên, tại Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành lại quy định được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân nước ngoài.

- Việc quy định không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong trường hợp *“người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất... hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật”* quy định tại Khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP là chưa phù hợp với Điểm c Khoản 1 Điều 64 Điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 (*chỉ quy định trong trường hợp chuyển quyền chứ không quy định trường hợp chuyển mục đích*). Điều này ảnh hưởng đến công tác quản lý và sử dụng đất tại địa phương, tạo cơ hội cho các đối tượng không thuộc trường hợp nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp thành đối tượng nhận chuyển nhượng bằng cách *“chuyển mục đích sử dụng đất”*; đồng thời, tạo ra thực trạng người không có hoặc thiếu đất canh tác phải vào các thành phố lớn mưu sinh hay xuất khẩu lao động,..., còn người quá nhiều đất lại bỏ hoang không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích.

- Khoản 2 Điều 42 Nghị định 151/2017/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định: *“...đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công gắn liền với đất để cho thuê để kinh doanh, để cho thuê, liên doanh, liên kết thì phải nộp tiền thuê đất...”*; tuy nhiên, tại khoản 3, Điều 54, Luật Đất đai năm 2013 quy định Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp: *“Tổ chức sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính sử dụng đất xây dựng công trình sự nghiệp”*.

- Trường hợp đăng ký biến động mục đích sử dụng đất (*chuyển mục đích không phải xin phép*): việc sử dụng đất ở để xây dựng công trình không phải là nhà ở (*khách sạn, văn phòng làm việc, giao dịch, cửa hàng kinh doanh ...*) là phổ biến. Trường hợp đăng ký biến động từ đất ở sang đất thương mại dịch vụ thì phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Hiện nay, việc thực hiện đăng ký biến động từ đất ở sang đất thương mại dịch vụ, cơ sở sản xuất kinh doanh thì hầu hết không thực hiện được do các vị trí lô đất được sử dụng để làm cơ sở sản xuất, kinh doanh thường gắn liền với vị trí đất ở (*một lô đất được sử dụng một phần diện tích vào mục đích sản xuất, kinh doanh thương mại dịch vụ; phần còn lại được sử dụng vào mục đích để ở*) và thuộc quy hoạch đất ở. Đối với các trường hợp phù hợp với quy hoạch đã đăng ký biến động sang đất thương mại dịch vụ; sau này chủ sử dụng đất có nhu cầu đăng ký lại sang đất ở thì chưa có quy định cụ thể.

- Theo quy định tại Khoản 11, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017, sửa đổi, bổ sung Điều 14, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 có quy định về việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm; theo quy định tại Khoản 1, Điều 12, Thông tư 33/2017/BTNMT, ngày 29/9/2017 về việc chuyển mục đích không phải xin phép nhưng phải đăng ký biến động không có quy định đối với trường hợp chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm (hoa màu). Hiện nay, việc này diễn ra phổ biến do điều kiện thời tiết và khí hậu không đáp ứng được yêu cầu để sản xuất lúa nên người dân thường chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng rau màu (cây hàng năm) và khi người dân có nhu cầu đăng ký biến động thì chưa có quy

định để triển khai; trường hợp chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất trồng cây hàng năm cũng không có quy định.

- Về chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất: theo quy định tại Khoản 1 Điều 177 Luật Đất đai 2013 quy định về “*Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế khi giải thể, phá sản*”. Trường hợp người góp vốn và người nhận góp vốn thỏa thuận không góp vốn nữa nhưng người nhận góp vốn đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì xử lý như thế nào. Theo quy định tại Điều 193 Luật Đất đai 2013 về: “*Điều kiện nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*”, nhưng không có quy định về trường hợp doanh nghiệp không thực hiện dự án có được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp hay không.

- Về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thực hiện dự án:

+ Trước đây tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm mà vẫn tiếp tục sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp nay thời hạn sử dụng đất đã hết (*tháng 10/2013*) hiện chưa có quy định gia hạn thời hạn sử dụng đất đối với trường hợp này.

+ Tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án theo quy định tại Điều 193 Luật Đất đai. Tuy nhiên, đối với trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thực hiện dự án thì chưa có quy định; đối với trường hợp này tổ chức kinh tế có được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp hay không. Nếu tổ chức kinh tế đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp nhưng không thực hiện dự án thì có phải thu hồi đất hay không; trường hợp chuyển sang thuê đất thì có phải lập dự án đầu tư hay không.

- Về cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hiện nay một số huyện trên địa bàn tỉnh đã thực hiện việc đo đạc lại bản đồ địa chính mới, được thẩm định và đưa vào sử dụng. Nhưng vấn đề bất cập là việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được thực hiện đồng thời sau khi bản đồ địa chính được đo đạc và thẩm định đưa vào sử dụng; mặt khác, hiện nay các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo bản đồ địa chính cũ hầu hết đều đã thế chấp vào ngân hàng. Do đó, hiện nay các địa phương đều sử dụng hai loại bản đồ cũ và mới (*do GCN được cấp thì sử dụng bản đồ cũ*) gây nhiều khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về đất đai và phát sinh nhiều tranh chấp khiếu kiện liên quan đến ranh giới sử dụng đất. Do vậy cần đề nghị bổ sung quy định về việc đo đạc mới bản đồ địa chính phải thực hiện đồng thời với việc cấp đổi đồng loạt GCN (*trừ những khu vực chưa được đo đạc bản đồ trước đây và chưa được cấp GCN*) theo bản đồ địa chính mới và chỉ sử dụng một loại bản đồ địa chính sau khi được thẩm định, để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai.

- Về thu hồi đất và đóng cửa mỏ hoàn nguyên: Theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai 2013 các trường hợp thu hồi đất: “*d) Đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn*”; tuy nhiên theo Điều

73 Luật khoáng sản thì doanh nghiệp phải thực hiện đóng cửa mỏ. Như vậy, nếu ban hành quyết định thu hồi đất của doanh nghiệp khi hết thời hạn thuê đất thì doanh nghiệp sẽ thực hiện đóng cửa mỏ trên đất đã bị thu hồi, gây khó khăn trong quá trình thực hiện cũng như xử lý các vấn đề phát sinh khi có sự việc xảy ra.

- Về thuê đất với tổ chức đang sử dụng đất mà không còn phù hợp quy hoạch sử dụng đất: Các trường hợp tổ chức đang sử dụng đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp nhận chuyển nhượng của hộ gia đình, cá nhân. Nhưng đến nay thời hạn sử dụng đất nông nghiệp đã hết thì tổ chức đề nghị được chuyển sang hình thức thuê đất; trong đó phổ biến là trường hợp tổ chức tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thương mại dịch vụ nhưng không lập dự án đầu tư. Nay chủ sử dụng đất có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất thì phải chuyển sang thuê đất có phải lập dự án đầu tư không. Hiện nay, Luật Đất đai 2013 chưa có quy định cụ thể đối với trường hợp này.

- Về thuê đất khai thác khoáng sản trên lòng sông, lòng suối: Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật khoáng sản 2010 về sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản: *“1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, trừ trường hợp không sử dụng lớp đất mặt hoặc hoạt động khoáng sản không ảnh hưởng đến việc sử dụng mặt đất của tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất hợp pháp”*. Cần có quy định cụ thể trường hợp khai thác khoáng sản trên lòng sông, suối có phải thuê đất hay thuê đất có mặt nước hay không (nếu có thì thực hiện như thế nào).

- Về thuê đất trả tiền một lần: theo quy định chung thì tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tuy nhiên thực tế việc thực hiện có khó khăn như đối với đất lâm nghiệp, đất chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp, định hướng quy hoạch khác nhau giữa các thời kỳ,... Do đó, đề nghị trong thời gian tới nghiên cứu thu hẹp các trường hợp được chuyển sang thuê đất trả tiền một lần (hoặc chỉ thực hiện thuê đất trả tiền hàng năm). Trong trường hợp thu hẹp các trường hợp được chuyển sang thuê đất trả tiền một lần cần bổ sung các điều kiện khi xem xét các trường hợp chuyển từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Các vấn đề về cơ chế chính sách đất đai cần tháo gỡ: Đề nghị cơ quan Trung ương xem xét, hướng dẫn, chỉ đạo để giải quyết các tồn tại, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện trên địa bàn tỉnh nêu tại mục 4 Phần III nêu trên. Góp phần tạo hành lang pháp lý cho người sử dụng đất thuận lợi trong việc thực hiện dịch chuyển quyền sử dụng đất cũng như phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương.

2. Các giải pháp thực hiện Nghị quyết có hiệu quả: Để thực hiện tốt Nghị quyết và tiếp tục đẩy mạnh thi hành Luật Đất đai năm 2013 đưa công tác quản lý đất đai ngày càng có hiệu quả, tỉnh Lâm Đồng đề xuất một số giải pháp sau:

a) Trong công tác quy hoạch đất đai cần chú trọng quy hoạch các ngành,

phát huy lợi thế từng vùng, góp phần chuyển đổi và hình thành cơ cấu vùng kinh tế hợp lý, đa dạng về ngành, nghề và trình độ phát triển. Bám sát tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 để dự báo nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 và xây dựng kế hoạch sử dụng đất. Thông qua quy hoạch sử dụng đất để tham mưu cho chính quyền các cấp định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

b) Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, bền vững, tạo đà phát triển cho thành phần kinh tế tư nhân, chú trọng các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong giai đoạn tiếp theo.

c) Tập trung điều chỉnh, hoàn thiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về thông tin đất đai gồm bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, tiếp tục đẩy nhanh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên phạm vi toàn tỉnh; xây dựng và vận hành hệ thống thông tin điện tử, đáp ứng nhu cầu thông tin về đất đai của các cơ quan, tổ chức nhà nước và cộng đồng dân cư.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý dữ liệu đất đai; sử dụng phần mềm trong quản lý, điều hành phục vụ kịp thời nhu cầu nắm bắt thông tin của các tổ chức cá nhân.

đ) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai toàn tỉnh; các quy định về hệ thống thông tin đất đai, chuẩn cơ sở dữ liệu đất đai, đặt nền móng cho việc xây dựng hệ thống quản lý đất đai theo hướng hiện đại, thống nhất ở cả 3 cấp.

e) Hoàn thành hệ thống thông tin về giá đất và xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất đến từng thửa đất trên địa bàn toàn tỉnh vào năm 2030;

g) Có chính sách ưu tiên, đảm bảo người sử dụng đất là đồng bào dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, người nghèo... được bố trí giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp để ổn định đời sống, bảo đảm an ninh, chính trị tại địa phương;

h) Tạo cơ chế phát triển quỹ đất để tạo nguồn lực về đất đai nhằm thu hút các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị, nông thôn.

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế Trung ương,
- Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các đ/c Ủy viên ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT2.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT DO CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỈNH BAN HÀNH

(Đính kèm Báo cáo số 92-BC/TU ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Số thứ tự	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành văn bản	Cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
1	Quyết định	65/2014/QĐ-UBND	12/05/2014	UBND tỉnh	Ban hành quy định hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất ở có vườn, ao trên địa bàn tỉnh
2	Quyết định	72/2014/QĐ-UBND	19/12/2014	UBND tỉnh	Về việc quy định tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm; giá thuê mặt nước, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh
3	Quyết định	37/2014/QĐ-UBND	19/09/2014	UBND tỉnh	Quy định hạn mức bình quân giao đất sản xuất nông nghiệp cho hộ dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh
4	Quyết định	69/2014/QĐ-UBND	19/12/2014	UBND tỉnh	Ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt
5	Nghị quyết	149/2015/NQ-HĐND	11/12/2015	HĐND tỉnh	Thông qua các danh mục dự án thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trong năm 2016
6	Quyết định	15/2015/QĐ-UBND	27/02/2015	UBND tỉnh	Bổ sung một số nội dung của Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Lạt ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt
7 đến 18	Quyết định	20/2015/QĐ-UBND đến 31/2015/QĐ-UBND	27/03/2015	UBND tỉnh	Ban hành bản hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn 12 huyện, thành phố
19	Quyết định	33/2015/QĐ-UBND	16/04/2015	UBND tỉnh	Ban hành quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh
20	Quyết định	37/2015/QĐ-UBND	27/04/2015	UBND tỉnh	Ban hành quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh
21	Quyết định	61/2015/QĐ-UBND	23/10/2015	UBND tỉnh	Ban hành quy định hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh
22 đến 33	Quyết định	10/2016/QĐ-UBND đến 21/2016/QĐ-UBND	05/02/2016	UBND tỉnh	Ban hành bản hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn 12 huyện, thành phố
34	Nghị quyết	28/2016/NQ-HĐND	08/12/2016	HĐND tỉnh	Thông qua các danh mục dự án thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trong năm 2017
35	Nghị quyết	57/2017/NQ-HĐND	08/12/2017	HĐND tỉnh	Thông qua các danh mục dự án thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trong năm 2018
36	Quyết định	04/2017/QĐ-UBND	19/01/2017	UBND tỉnh	Ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai và các chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng
37	Quyết định	07/2017/QĐ-UBND	27/02/2017	UBND tỉnh	Ban hành Bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn huyện Đức Trọng áp dụng trong chu kỳ theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt
38	Quyết định	08/2017/QĐ-UBND	27/02/2017	UBND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Lâm Hà ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt

Số thứ tự	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành văn bản	Cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
39	Quyết định	09/2017/QĐ-UBND	27/02/2017	UBND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Di Linh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt
40	Quyết định	10/2017/QĐ-UBND	27/02/2017	UBND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Bảo Lộc ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt
41	Quyết định	11/2017/QĐ-UBND	27/02/2017	UBND tỉnh	Ban hành Bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn huyện Đơn Dương áp dụng trong chu kỳ theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt
42 đến 53	Quyết định	17/2017/QĐ-UBND đến 28/QĐ-UBND	24/04/2017	UBND tỉnh	Ban hành bản hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn 12 huyện, thành phố
54	Quyết định	45/2017/QĐ-UBND	21/9/2017	UBND tỉnh	Ban hành quy định về cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh
55	Quyết định	50/2017/QĐ-UBND	29/12/2017	UBND tỉnh	Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh
56 đến 66	Quyết định	03/2018/QĐ-UBND đến 13/2018/QĐ-UBND	04/04/2018	UBND tỉnh	Ban hành bản hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 các huyện, thành phố Bảo Lộc
67	Quyết định	17/2018/QĐ-UBND	31/05/2018	UBND tỉnh	Ban hành bản hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 trên địa bàn thành phố Đà Lạt
68 đến 79	Quyết định	13/2019/QĐ-UBND đến 24/2019/QĐ-UBND	20/03/2019	UBND tỉnh	Ban hành bản hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn 12 huyện, thành phố
80 đến 91	Quyết định	08/2020/QĐ-UBND đến 19/2020/QĐ-UBND	25/03/2020	UBND tỉnh	Ban hành bản hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn 12 huyện, thành phố
92 đến 99	Quyết định	08/2021/QĐ-UBND đến 15/2021/QĐ-UBND	26/03/2021	UBND tỉnh	Ban hành bản hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn một số huyện, thành phố
100	Quyết định	04/2021/QĐ-UBND	19/01/2021	UBND tỉnh	Quy định điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng